



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 24

BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 1800545163 ngày 20/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc
Ông Võ Minh Duy	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Diễm Trang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Liêm	Kế toán trưởng
Ông Lê Văn Thắng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

Nguyễn Thái Bình

Giám đốc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được lập ngày 26 tháng 07 năm 2021, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 06 tháng 02 năm 2021.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		624.677.779.748	636.883.589.289
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	170.216.895.999	149.282.025.433
111	1. Tiền		155.216.895.999	58.864.046.173
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	90.417.979.260
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	294.421.126.687	322.468.116.644
121	1. Đầu tư ngắn hạn		294.421.126.687	322.468.116.644
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		149.446.557.416	157.786.941.793
131	1. Phải thu của khách hàng	5	122.182.264.830	121.408.767.558
132	2. Trả trước cho người bán	6	19.379.108.516	19.659.888.516
135	3. Các khoản phải thu khác	7	7.935.064.100	16.768.165.749
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(49.880.030)	(49.880.030)
140	IV. Hàng tồn kho	8	6.071.638.753	1.282.236.059
141	1. Hàng tồn kho		6.071.638.753	1.282.236.059
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.521.560.893	6.064.269.360
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.521.560.893	6.064.269.360
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		120.835.017.499	120.267.017.495
220	II. Tài sản cố định		115.152.747.257	114.308.089.695
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.838.899.168	14.994.241.606
222	- Nguyên giá		32.532.335.275	31.718.450.275
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.693.436.107)	(16.724.208.669)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	39.248.570.405	39.248.570.405
228	- Nguyên giá		39.792.820.405	39.792.820.405
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(544.250.000)	(544.250.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	60.065.277.684	60.065.277.684
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.000.000.000	5.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.000.000.000	5.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		682.270.242	958.927.800
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	682.270.242	958.927.800
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		745.512.797.247	757.150.606.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		345.512.797.247	357.150.606.784
310	I. Nợ ngắn hạn		345.512.797.247	357.150.606.784
312	1. Phải trả người bán		52.670.000	172.670.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	298.258.465.440	309.681.111.431
315	4. Phải trả người lao động		2.975.523.464	261.076.592
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	13.563.049.404	-
321	8. Dự phòng rủi ro trả thưởng	15	24.356.667.127	41.270.002.758
323	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.306.421.812	5.765.746.003
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400.000.000.000	400.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	400.000.000.000	400.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		745.512.797.247	757.150.606.784

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiêu	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		317.342.665.017	265.468.000.331
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		100.000.000.000	100.000.000.000


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	1.886.079.587.726	1.362.977.150.840
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		1.885.741.245.451	1.362.600.872.748
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		1.885.741.245.451	1.362.600.872.748
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		338.342.275	376.278.092
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	245.966.249.423	177.730.548.644
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		245.966.249.423	177.730.548.644
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		245.966.249.423	177.730.548.644
10	3. Doanh thu thuần		1.640.113.338.303	1.185.246.602.196
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		1.639.774.996.028	1.184.870.324.104
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		1.639.774.996.028	1.184.870.324.104
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		338.342.275	376.278.092
11	4. Chi phí kinh doanh	20	1.314.362.231.051	937.553.389.890
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		1.314.362.231.051	937.553.389.890
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thường		974.163.264.369	685.401.100.000
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		340.198.966.682	252.152.289.890
20	5. Lợi nhuận gộp		325.751.107.252	247.693.212.306
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		325.412.764.977	247.316.934.214
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		338.342.275	376.278.092
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.615.936.479	7.404.350.067
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	85.488.762.248	75.364.429.250
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		242.878.281.483	179.733.133.123
31	11. Thu nhập khác	23	495.454.545	65.181.826
40	13. Lợi nhuận khác		495.454.545	65.181.826
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		243.373.736.028	179.798.314.949
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	48.674.747.207	35.959.662.989
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		194.698.988.821	143.838.651.960

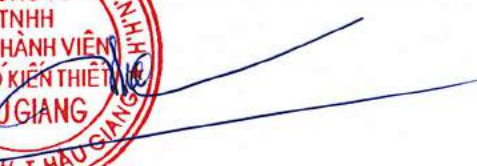


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu



Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng





Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2021


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2021	năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		243.373.736.028	179.798.314.949
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		957.354.711	1.053.869.442
03	- Các khoản dự phòng		(16.913.335.631)	(13.270.800.000)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.111.391.024)	(7.469.531.893)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		224.306.364.084	160.111.852.498
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(4.339.582.073)	(16.538.952.546)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(4.789.402.694)	(2.589.325.000)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		11.282.918.238	44.646.524
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		1.819.366.025	945.203.452
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.424.632.171)	(43.241.020.045)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.177.578.223)	(6.553.140.909)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		209.677.453.186	92.179.263.974
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.802.012.273)	(7.305.218.817)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		495.454.545	65.181.826
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(180.598.808.398)	(236.118.164.384)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác		208.645.798.355	121.584.795.016
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.295.902.929	7.404.350.067
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		42.036.335.158	(114.369.056.292)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(230.778.917.778)	(149.011.921.016)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(230.778.917.778)	(149.011.921.016)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.934.870.566	(171.201.713.334)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		149.282.025.433	282.007.708.562
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	170.216.895.999	110.805.995.228


Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu


Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng




Nguyễn Thái Bình
Giám đốc
Hậu Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ-UB ngày 20/01/2004 và chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang theo Quyết định số 2025/QĐ-UB ngày 28/07/2009. Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 1800545163 ngày 20/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty: Số 151 Đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ tháng 04 năm 2021, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 11 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu 06 tháng đầu năm 2021 của Công ty tăng so với 06 tháng đầu năm 2020.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05	năm
- Cây lâu năm	06	năm
- Các tài sản khác	04	năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn	
- Phần mềm kế toán	02	năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thường đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $DPtt = DT \times TLkh - TTtt$

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Mẫu B09 - XS

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	7.004.369.310	6.611.796.773
Tiền gửi ngân hàng	148.212.526.689	52.252.249.400
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	90.417.979.260
	<u>170.216.895.999</u>	<u>149.282.025.433</u>

(*) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,3%/năm, chi tiết bao gồm:

	30/06/2021
	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
	<u>15.000.000.000</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	294.421.126.687	322.468.116.644
	<u>294.421.126.687</u>	<u>322.468.116.644</u>

Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30/06/2021 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,5%/năm đến 7,0%/năm, chi tiết bao gồm:

	30/06/2021
	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Tây Đô	53.409.315.068
- Chi nhánh Hậu Giang	20.000.000.000
- Chi nhánh Cần Thơ	11.365.502.247
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hậu Giang	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ	20.725.917.808
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	
- Chi nhánh Hậu Giang	10.105.863.000
- Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cần Thơ	30.000.000.000
Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Hậu Giang	11.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang	51.403.835.616
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Cần Thơ	10.610.692.948
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ	5.000.000.000
	<u>294.421.126.687</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

b) Đầu tư dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Hậu Giang	40,00%	40,00%	In ấn

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Đại lý Thái Phước Đại	11.810.053.000	-	11.861.435.500	-
- Đại lý Nguyễn Hoàng Anh	10.284.579.500	-	9.753.733.300	-
- Đại lý Mai Hữu Ảnh	8.982.283.575	-	8.880.203.500	-
- Phải thu đại lý khác	91.105.348.755	(49.880.030)	90.913.395.258	(49.880.030)
	122.182.264.830	(49.880.030)	121.408.767.558	(49.880.030)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	10.291.049.883	17.998.749.883
- Công ty TNHH TM & DV In Quảng cáo Minh Trí	5.113.950.000	-
- Trung tâm Văn Hóa Thông tin Thể thao thị xã Ngã Bảy	2.250.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.724.108.633	1.661.138.633
	19.379.108.516	19.659.888.516

Mẫu B09 - XS

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	558.960.177	13.238.926.627
- Tạm ứng	478.910.155	332.318.222
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	-	2.000.000.000
- Các khoản tài trợ trong năm (*)	4.776.000.000	-
- Phải thu trả thưởng	244.600.000	175.900.000
- Thuế TNCN đại lý vé số	950.926.575	1.021.020.900
- Phải thu khác	925.667.193	-
	<u>7.935.064.100</u>	<u>16.768.165.749</u>

(*) Tiền đã chuyển cho các đơn vị nhận tài trợ đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ tương ứng tại Quyết minh 14.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Hàng hóa khuyến mãi	4.129.762.353	1.282.236.059
- Vé xổ số truyền thống tại kho	1.941.876.400	-
	<u>6.071.638.753</u>	<u>1.282.236.059</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công trình trụ sở Công ty	49.715.597.580	49.715.597.580
- Giá trị quyền sử dụng đất tại Hậu Giang	10.349.680.104	10.349.680.104
	<u>60.065.277.684</u>	<u>60.065.277.684</u>

Công trình Trụ sở chính Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang được triển khai theo Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Tại thời điểm 30/06/2021, công trình đã hoàn thành và đang chờ thẩm tra, phê duyệt quyết toán từ các cấp có thẩm quyền.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	39.248.570.405	544.250.000	39.792.820.405
Số dư cuối kỳ	<u>39.248.570.405</u>	<u>544.250.000</u>	<u>39.792.820.405</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	544.250.000	544.250.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>544.250.000</u>	<u>544.250.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	39.248.570.405	-	39.248.570.405
Tại ngày cuối kỳ	<u>39.248.570.405</u>	<u>-</u>	<u>39.248.570.405</u>

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 125B Trần Bình Trọng, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng là để làm trạm thanh hủy và phát hành vé số.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 606 (138 cũ) đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Mục đích sử dụng là để làm văn phòng đại diện.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 151, đường 3 tháng 2, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Mục đích sử dụng là để làm trụ sở Công ty.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 544.250.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	144.862.957	325.346.363
- Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	4.376.697.936	5.738.922.997
	4.521.560.893	6.064.269.360
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	682.270.242	958.927.800
	682.270.242	958.927.800

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Các khoản tài trợ (Thuyết minh 7*)	11.877.892.000	-
- Chi phúc lợi cho nhân viên	1.685.157.404	-
	13.563.049.404	-

15 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro trả thường đầu kỳ	41.270.002.758	62.618.686.200
- Chi trả thường	(16.913.335.631)	(13.270.800.000)
Dự phòng rủi ro trả thường cuối kỳ	24.356.667.127	49.347.886.200

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	345.000.000.000	55.000.000.000	-	400.000.000.000
Tăng vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	143.838.651.960	143.838.651.960
Tạm trích các quỹ (*)	-	-	(7.950.299.337)	(7.950.299.337)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(135.888.352.623)	(135.888.352.623)
Số dư cuối kỳ trước	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Số dư đầu kỳ này	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	194.698.988.821	194.698.988.821
Tạm trích các quỹ (*)	-	-	(8.718.254.032)	(8.718.254.032)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(185.980.734.789)	(185.980.734.789)
Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000

(*) Công ty tạm trích lập các quỹ trong kỳ theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00
	400.000.000.000	100,00	400.000.000.000	100,00

17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất tại đường 3/2, Khu vực 2, Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng thuê đất số 1636/HĐTĐ ngày 03/05/2018. Diện tích thuê là 124,7 m², thời hạn thuê 50 năm tính từ ngày 19/12/2017, đơn giá thuê là 4.646.322 VND/năm.

18 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	1.885.741.245.451	1.362.600.872.748
Doanh thu khác	338.342.275	376.278.092
	1.886.079.587.726	1.362.977.150.840

Mẫu B09 - XS

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	245.966.249.423	177.730.548.644
	<u>245.966.249.423</u>	<u>177.730.548.644</u>

20 . CHI PHÍ KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	1.314.362.231.051	937.553.389.890
- Chi phí trả thưởng	974.163.264.369	685.401.100.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	340.198.966.682	252.152.289.890
	<u>1.314.362.231.051</u>	<u>937.553.389.890</u>

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	312.384.574.900	225.801.306.800
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	311.147.305.500	224.829.144.000
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	1.237.269.400	972.162.800
2. Chi phí phục vụ xổ số	287.590.909	338.390.908
3. Chi phí quay số mở thưởng, khấu hao thiết bị	1.683.950.000	1.540.774.000
4. Chi phí giấy và công in vé xổ số	24.668.123.600	23.450.000.000
5. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.174.727.273	961.818.182
6. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	-	60.000.000
	<u>340.198.966.682</u>	<u>252.152.289.890</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.615.936.479	7.404.350.067
	<u>2.615.936.479</u>	<u>7.404.350.067</u>

Mẫu B09 - XS

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.109.092	125.527.274
Chi phí nhân công	25.638.831.656	22.764.829.572
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.107.755.247	5.049.279.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	957.354.711	1.053.869.442
Thuế, phí, và lệ phí	1.434.129.111	2.207.420.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.213.638.069	1.306.998.738
Chi phí khác bằng tiền	48.010.944.362	42.856.504.226
	<u>85.488.762.248</u>	<u>75.364.429.250</u>

23 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	495.454.545	65.181.826
	<u>495.454.545</u>	<u>65.181.826</u>

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	243.373.736.028	179.798.314.949
Thu nhập chịu thuế TNDN	243.373.736.028	179.798.314.949
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	<u>48.674.747.207</u>	<u>35.959.662.989</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	10.424.632.171	43.241.020.045
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(10.424.632.171)	(43.241.020.045)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>48.674.747.207</u>	<u>35.959.662.989</u>

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
		VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ In Hậu Giang	Công ty liên kết		
- Mua hàng hóa và dịch vụ		3.159.090.909	2.617.727.272

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Công ty lập và trình bày.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Biên bản kiểm toán ngày 14/04/2021 của Kiểm toán Nhà nước KV5. Theo đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND
Bảng Cân đối kế toán				
- Các khoản tương đương tiền	112	90.417.979.260	90.047.000.000	370.979.260
- Đầu tư ngắn hạn	121	322.468.116.644	322.839.095.904	(370.979.260)
- Các khoản phải thu khác	135	16.768.165.749	3.529.239.122	13.238.926.627
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	309.681.111.431	74.609.941.822	235.071.169.609
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	-	144.449.088	(144.449.088)
- Dự phòng rủi ro trả thường	321	41.270.002.758	49.347.886.200	(8.077.883.442)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	-	213.609.910.452	(213.609.910.452)

Nguyễn Hoàng Thắng
Người lập biểu

Huỳnh Thanh Liêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Bình
Giám đốc

Hậu Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2021

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	16.450.397.552	1.080.077.681	9.303.503.608	4.188.775.980	373.900.000	321.795.454	31.718.450.275
Số tăng trong kỳ	-	-	1.802.012.273	-	-	-	1.802.012.273
- Mua trong kỳ	-	-	1.802.012.273	-	-	-	1.802.012.273
Số giảm trong kỳ	-	-	(988.127.273)	-	-	-	(988.127.273)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(988.127.273)	-	-	-	(988.127.273)
Số dư cuối kỳ	16.450.397.552	1.080.077.681	10.117.388.608	4.188.775.980	373.900.000	321.795.454	32.532.335.275
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	5.167.006.638	972.813.647	6.559.390.608	3.983.081.864	31.158.336	10.757.576	16.724.208.669
Số tăng trong kỳ	303.785.868	23.125.614	494.631.735	64.428.726	31.158.336	40.224.432	957.354.711
- Khấu hao trong kỳ	303.785.868	23.125.614	494.631.735	64.428.726	31.158.336	40.224.432	957.354.711
Số giảm trong kỳ	-	-	(988.127.273)	-	-	-	(988.127.273)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(988.127.273)	-	-	-	(988.127.273)
Số dư cuối kỳ	5.470.792.506	995.939.261	6.065.895.070	4.047.510.590	62.316.672	50.982.008	16.693.436.107
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	11.283.390.914	107.264.034	2.744.113.000	205.694.116	342.741.664	311.037.878	14.994.241.606
Tại ngày cuối kỳ	10.979.605.046	84.138.420	4.051.493.538	141.265.390	311.583.328	270.813.446	15.838.899.168

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 8.962.467.344 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Trong kỳ		30/06/2021
	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	25.422.953.988	184.930.108.048	189.036.767.479	21.316.294.557
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	33.768.062.851	245.966.249.423	250.973.758.105	28.760.554.169
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.424.632.171	48.674.747.207	10.424.632.171	48.674.747.207
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	230.778.917.778	185.980.734.789	230.778.917.778	185.980.734.789
- Thuế Thu nhập cá nhân công nhân viên	243.516.478	1.987.288.342	1.968.043.342	262.761.478
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý	2.180.298.165	15.557.365.275	15.874.090.200	1.863.573.240
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	6.858.780.000	51.285.640.000	46.749.420.000	11.395.000.000
- Thuế Thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	3.950.000	313.200.000	312.350.000	4.800.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	4.646.322	4.646.322	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	309.681.111.431	734.702.979.406	746.125.625.397	298.258.465.440

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam